

**BAN TỔ CHỨC - CÁN BỘ CHÍNH PHỦ****THÔNG TƯ số 39/2000/TT-BTCCBCP**

**ngày 19/6/2000 hướng dẫn việc xếp lương khi bổ nhiệm vào ngạch đối với công chức đạt kỳ thi nâng ngạch.**

Thi hành Nghị định số 95/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn việc xếp lương khi bổ nhiệm vào ngạch đối với công chức đạt kỳ thi nâng ngạch như sau:

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Việc xếp lương quy định tại Thông tư này áp dụng cho công chức đạt kỳ thi nâng ngạch nhân viên lên ngạch cán sự; ngạch nhân viên, cán sự lên ngạch chuyên viên; ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính; ngạch chuyên viên chính lên ngạch chuyên viên cao cấp và các ngạch tương đương khác.

2. Ngạch tương đương quy định tại điểm 1 Thông tư này là ngạch có cùng yêu cầu trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn nghiệp vụ của ngạch công chức và có hệ số lương bậc khởi điểm của từng ngạch xấp xỉ nhau (có Phụ lục kèm theo).

3. Việc phân loại kết quả thi nâng ngạch không làm căn cứ để xếp lương.

4. Khi xếp lương vào ngạch mới đối với công chức đạt kỳ thi nâng ngạch không được kết hợp với việc nâng bậc lương.

5. Thời gian hưởng mức lương ở ngạch mới đối với công chức được tính từ khi cấp có thẩm quyền ra quyết định bổ nhiệm vào ngạch và xếp hệ số lương mới.

**II. QUY ĐỊNH XẾP LƯƠNG VÀ THỜI GIAN TÍNH NÂNG BẬC LƯƠNG CÔNG CHỨC SAU KHI ĐẠT KỲ THI NÂNG NGẠCH**

1. Trường hợp người được xếp lương có hệ số lương cũ thấp hơn hệ số lương khởi điểm của ngạch được bổ nhiệm thì xếp vào bậc khởi điểm của ngạch đó; thời gian tính nâng bậc lương lần sau kể từ khi có quyết định xếp hệ số lương mới.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A hiện đang ở ngạch nhân viên phục vụ (mã số 01.009), hệ số lương 1,36 từ ngày 01/2/1999. Ông A thi nâng ngạch nhân viên phục vụ lên ngạch cán sự đạt yêu cầu được bổ nhiệm vào ngạch cán sự (mã số 01.004), xếp hệ số lương 1,46. Thời điểm ký quyết định xếp lương mới là ngày 01/10/1999, do đó thời gian để nâng bậc lần sau tính từ ngày 01/10/1999.

Ví dụ 2: Bà Trần Thị B hiện đang ở ngạch chuyên viên (mã số 01.003), hệ số lương 3,06 từ ngày 01/5/1997. Bà B thi nâng ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính đạt yêu cầu được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính (mã số 01.002), xếp hệ số lương 3,35. Thời điểm ký quyết định xếp lương vào ngạch chuyên viên chính là ngày 01/12/1999, do đó thời gian để nâng bậc lần sau tính từ ngày 01/12/1999.

Ví dụ 3: Ông Hoàng Văn C hiện đang ở ngạch thanh tra viên chính (mã số 04.024), hệ số lương 4,57 từ ngày 01/2/1997. Ông C thi nâng ngạch thanh tra viên chính lên ngạch thanh tra viên cao cấp đạt yêu cầu được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên cao cấp (mã số 04.023), xếp hệ số lương 4,92. Thời điểm ký quyết định xếp lương vào ngạch thanh tra viên cao cấp là ngày 01/12/1999, do đó thời gian để nâng bậc lần sau tính từ ngày 01/12/1999.

2. Trường hợp người được xếp lương có hệ số lương cũ xấp xỉ (nhỏ hơn hoặc lớn hơn) so với hệ số lương của bậc ở ngạch được bổ nhiệm thì xếp vào hệ số lương tương đương của ngạch đó. Việc xác định thời gian để tính nâng bậc lương được thực hiện như sau:

2.1. Nếu chênh lệch của hệ số lương ở ngạch được bổ nhiệm so với hệ số lương ở ngạch cũ nhỏ hơn 70% của phần chênh lệch giữa 2 bậc liền kề của ngạch cũ thì thời gian tính nâng bậc lương lần sau kể từ khi hưởng hệ số lương ở ngạch cũ.

Ví dụ 4: Ông Lê Văn Đ hiện đang ở ngạch nhân viên kỹ thuật cơ quan (mã số 01.007), hệ số lương 2,12 từ ngày 01/8/1998. Ông Đ thi nâng ngạch nhân viên kỹ thuật cơ quan lên ngạch cán sự đạt yêu cầu được bổ nhiệm vào ngạch cán sự (mã số 01.004), xếp hệ số lương 2,18 từ ngày 01/12/1999. Chênh lệch giữa hệ số lương mới (2,18) ở ngạch cán sự so với hệ số lương ở ngạch cũ (2,12) là  $2,18 - 2,12 = 0,06$ . Chênh lệch giữa hai bậc liền kề của ngạch nhân viên kỹ thuật cơ quan là 0,125 (tính bình quân). Như vậy so sánh 2 hiệu số trên với nhau:  $0,06/0,125 = 48\%$  nhỏ hơn 70% theo quy định. Vì vậy thời gian tính nâng bậc lương lần sau của ông Đ tính từ ngày 01/8/1998.

Ví dụ 5: Bà Nguyễn Thị E hiện đang ở ngạch nghiên cứu viên (mã số 13.092), hệ số lương 3,31 từ ngày 01/5/1998. Bà E thi nâng ngạch nghiên cứu viên lên ngạch nghiên cứu viên chính đạt yêu cầu được bổ nhiệm vào ngạch nghiên cứu viên chính (mã số 13.091), xếp hệ số lương 3,35 từ ngày 01/2/2000. Chênh lệch giữa hệ số lương mới (3,35) ở ngạch nghiên cứu viên chính so với hệ số lương cũ (3,31) là  $3,35 - 3,31 = 0,04$ . Chênh lệch giữa hai bậc liền kề của ngạch nghiên cứu viên là 0,244 (tính bình quân). Như vậy so sánh 2 hiệu số trên với nhau:  $0,04/0,244 = 16\%$  nhỏ hơn 70% theo quy định. Vì vậy thời gian tính nâng bậc lương lần sau của bà E từ ngày 01/5/1998.

Ví dụ 6: Ông Vũ Văn G hiện đang ở ngạch kỹ sư chính (mã số 13.094), hệ số lương 4,94 từ ngày 01/8/1998. Ông G thi nâng ngạch kỹ sư chính lên ngạch kỹ sư cao cấp đạt yêu cầu được bổ nhiệm vào ngạch kỹ sư cao cấp (mã số 13.093), xếp hệ số lương 4,92. Thời gian tính nâng bậc lương lần sau của ông G từ ngày 01/8/1998.

2.2. Nếu chênh lệch của hệ số lương ở ngạch được bổ nhiệm so với hệ số lương ở ngạch cũ từ 70% trở lên của phần chênh lệch giữa 2 bậc liền

kề của ngạch cũ thì thời gian tính nâng bậc lương lần sau kể từ khi có quyết định xếp lương mới.

Ví dụ 7: Ông Phạm Văn H hiện đang ở ngạch thủ quỹ kho bạc (mã số 06.034), hệ số lương 2,48 từ ngày 01/2/1999. Ông H thi nâng ngạch thủ quỹ kho bạc lên ngạch kế toán viên trung cấp đạt yêu cầu được bổ nhiệm vào ngạch kế toán viên trung cấp (mã số 06.032), xếp hệ số lương 2,25 từ ngày 01/2/2000. Chênh lệch giữa hệ số lương mới (2,25) ở ngạch kế toán viên trung cấp so với hệ số lương cũ (2,48) là  $2,55 - 2,48 = 0,07$ . Chênh lệch giữa hai bậc liền kề của ngạch thủ quỹ kho bạc là 0,09. Như vậy so sánh 2 hiệu số trên với nhau:  $0,07/0,09 = 77,7\%$  lớn hơn 70% theo quy định. Vì vậy thời gian nâng bậc lương lần sau của ông H tính từ ngày 01/2/2000.

3. Trường hợp người được xếp lương có hệ số lương ở bậc cuối cùng của ngạch cũ có thời gian giữ bậc tính đến khi được bổ nhiệm vào ngạch mới đúng bằng hoặc lớn hơn thời gian quy định xét nâng bậc lương (đủ 36 tháng đối với các ngạch thâm niên nâng bậc 3 năm hoặc đủ 24 tháng đối với các ngạch thâm niên nâng bậc 2 năm) thì được xếp lên 1 bậc liền kề trên của ngạch được bổ nhiệm. Thời gian nâng bậc lương lần sau tính từ khi có quyết định bổ nhiệm vào ngạch mới.

Đối với công chức có hệ số lương ở bậc cuối cùng của ngạch cũ mà thâm niên quy định nâng bậc 2 năm thì đạt yêu cầu lên ngạch có thâm niên nâng bậc 3 năm thì xếp vào hệ số lương tương đương liền kề trên với hệ số lương ở ngạch cũ. Thời gian xét nâng bậc lương lần sau tính từ khi có quyết định xếp lương mới.

Ví dụ 8: Bà Nguyễn Thị N hiện đang ở ngạch thanh tra viên (mã số 04.025), hệ số lương 4,21 từ ngày 01/5/1996. Bà N thi nâng ngạch thanh tra viên lên ngạch thanh tra viên chính (mã số 04.024) từ ngày 01/2/2000. Bà N có thời gian giữ bậc cuối của ngạch thanh tra viên được 3 năm và 9 tháng, vì vậy bà N được xếp hệ số 4,57. Thời gian nâng bậc lương lần sau của bà N tính từ ngày 01/2/2000.

Ví dụ 9: Ông Nguyễn Văn P hiện đang ở ngạch

chuyên viên chính (mã số 01.002), hệ số lương 5,6 từ ngày 01/9/1995. Ông P thi nâng ngạch chuyên viên chính lên ngạch chuyên viên cao cấp đạt yêu cầu được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên cao cấp (mã số 01.001) từ ngày 01/4/2000. Ông P có thời gian giữ bậc cuối của ngạch chuyên viên chính được 4 năm và 7 tháng, vì vậy ông P được xếp hệ số 6,26. Thời gian nâng bậc lương lần sau của ông P tính từ ngày 01/4/2000.

Ví dụ 10: Ông Trần Anh T hiện đang giữ ngạch cán sự (mã số 01.004), hệ số lương 3,33 từ ngày 01/3/1997. Ông T thi nâng ngạch cán sự lên ngạch chuyên viên đạt yêu cầu được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên (mã số 01.003) và xếp hệ số lương 3,56 từ ngày 01/5/2000. Thời gian xét nâng bậc lương của ông T tính từ ngày 01/5/2000.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1.** Sau khi bổ nhiệm vào ngạch và xếp lương mới cho công chức đạt kỳ thi nâng ngạch các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi báo cáo kết quả thi, danh sách bổ nhiệm vào ngạch và xếp lương theo mẫu số 16 ban hành kèm theo Quyết định số 27/1999/QĐ-BTCCBCP ngày 26/7/1999 của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ để theo dõi.

**2. Các văn bản sau đây hết hiệu lực áp dụng:**

- Công văn số 42/TCCP-BCTL ngày 22/1/1998 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về việc bổ nhiệm và xếp lương chuyên viên chính cho kỳ thi nâng ngạch đợt II.

- Công văn số 16/TCCP-CCVC ngày 09/1/1999 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về việc bổ nhiệm và xếp lương chuyên viên chính cho kỳ thi nâng ngạch năm 1998.

- Công văn số 52/BTCCBCP-CCVC ngày 24/1/2000 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về việc bổ nhiệm và xếp lương chuyên viên chính cho kỳ thi nâng ngạch năm 1999.

- Công văn số 89/BTCCBCP-CCVC ngày 23/2/2000 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về việc bổ nhiệm vào ngạch và xếp lương cho công chức đạt kỳ thi nâng ngạch nhân viên lên cán sự; nhân viên, cán sự lên chuyên viên và tương đương.

- Công văn số 77/BTCCBCP-CCVC ngày 21/2/2000 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về việc bổ nhiệm và xếp lương cho những người đạt kết quả kỳ thi nâng ngạch chuyên viên chính lên chuyên viên cao cấp năm 1999.

**3.** Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

**4.** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện nghiêm túc các quy định tại Thông tư này. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc, đề nghị phản ánh về Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ nghiên cứu, giải quyết./.

Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức -  
Cán bộ Chính phủ

**ĐỖ QUANG TRUNG**

**PHỤ LỤC CÁC NGẠCH TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI  
NGẠCH NHÂN VIÊN, NGẠCH CÁN SỰ, NGẠCH  
CHUYÊN VIÊN, NGẠCH CHUYÊN VIÊN  
CHÍNH VÀ NGẠCH CHUYÊN  
VIÊN CAO CẤP**

(kèm theo Thông tư số 39/2000/TT-BTCCBCP  
ngày 19/6/2000).

**1. Ngạch nhân viên và tương đương** bao gồm: Nhân viên đánh máy (mã số 01.006), Nhân viên kỹ thuật cơ quan (mã số 01.007), Nhân viên văn thư (mã số 01.008), Nhân viên phục vụ (mã số 01.009), Lái xe cơ quan (mã số 01.010), Nhân viên bảo vệ (mã số 01.011), Kế toán viên sơ cấp

(mã số 06.033), Thủ quỹ kho bạc, ngân hàng (mã số 06.034), Thủ quỹ cơ quan, đơn vị (06.035), Nhân viên thuế (mã số 06.040), Kiểm ngân viên (mã số 07.047), Thủ quỹ tiền, vàng bạc, đá quý (mã số 07.048), Nhân viên hải quan (mã số 08.053), Kiểm lâm viên sơ cấp (mã số 10.080), Kiểm soát viên dê điều sơ cấp (mã số 11.083), Quan trắc viên sơ cấp (mã số 14.108), Y tá (mã số 16.122), Nữ hộ sinh (mã số 16.125), Kỹ thuật viên Y (mã số 16.128), Y công (mã số 16.129), Hộ lý (mã số 16.130), Nhân viên nhà xác (mã số 16.131), Dược tá (mã số 16.136), Kỹ thuật viên dược (mã số 16.138), Thủ kho bảo quản nhóm I (mã số 19.184), Thủ kho bảo quản nhóm II (mã số 19.185), Bảo vệ, tuần tra canh gác (mã số 19.186).

**2. Các ngạch tương đương với ngạch cán sự** bao gồm: Kỹ thuật viên đánh máy (mã số 01.005), Lưu trữ viên trung cấp (mã số 02.015), Kỹ thuật viên lưu trữ (mã số 02.016), Kế toán viên trung cấp (mã số 06.032), Kiểm thu viên thuế (mã số 06.039), Kiểm tra viên trung cấp hải quan (mã số 08.052), Kỹ thuật viên (mã số 13.096), Dược sỹ trung cấp (mã số 16.135), Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật (mã số 09.057), Kỹ thuật viên dự báo bảo vệ thực vật (mã số 09.061), Kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật - thú y (mã số 09.065), Kỹ thuật viên kiểm dịch động thực vật (mã số 09.069), Kỹ thuật viên kiểm nghiệm giống cây trồng (mã số 09.073), Kỹ thuật viên khử trùng thực vật (09.077), Kiểm lâm viên (mã số 10.079), Kiểm soát viên dê điều (mã số 11.082), Kỹ thuật viên (mã số 13.096), Quan trắc viên (mã số 14.107), Giáo viên tiểu học (mã số 15.144), Giáo viên mầm non (mã số 15.115), Y sỹ (mã số 16.119), Y tá chính (mã số 16.121), Nữ hộ sinh chính (mã số 16.124), Kỹ thuật viên chính Y (mã số 16.127), Dược sỹ trung cấp (mã số 16.135), Kỹ thuật viên chính dược (mã số 16.137), Quay phim viên (mã số 17.150), Dựng phim viên (mã số 17.153), Họa sỹ trung cấp (mã số 17.163), Kỹ thuật viên bảo tồn, bảo tàng (mã số 17.167), Thư viện viên trung cấp (mã số 17.171), Phương pháp viên (mã số 17.174), Hướng dẫn viên (mã số 17.176), Tuyên truyền viên (mã số 17.178), Hướng dẫn viên (mã số 18.182), Kỹ thuật viên kiểm nghiệm (mã số 19.183).

**3. Các ngạch tương đương với ngạch chuyên viên** bao gồm: Lưu trữ viên (mã số 02.014), Thanh tra viên (mã số 04.025), Kế toán viên (mã số 06.031), Kiểm soát viên thuế (mã số 06.038), Kiểm toán viên (mã số 06.043), Kiểm soát viên ngân hàng (mã số 07.046), Kỹ sư (mã số 13.095), Kiểm tra viên Hải quan (mã số 08.051), chẩn đoán viên bệnh động vật (mã số 09.056), Dự báo viên bảo vệ thực vật (mã số 09.060), Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật - thú y (mã số 09.064), Kiểm dịch viên động thực vật (mã số 09.068), Kiểm nghiệm viên giống cây trồng (mã số 09.072), Khử trùng viên thực vật (mã số 09.076), Kiểm lâm viên chính (mã số 10.078), Kiểm soát viên chính dê điều (mã số 11.081), Thẩm kế viên (mã số 12.086), Nghiên cứu viên (mã số 13.092), Kỹ sư (mã số 13.095), Dự báo viên (mã số 14.105), Quan trắc viên chính (mã số 14.106), Giảng viên (mã số 15.111), Giáo viên trung học (mã số 15.113), Bác sỹ (mã số 16.118), Y tá cao cấp (mã số 16.120), Nữ hộ sinh cao cấp (mã số 16.123), Kỹ thuật viên cao cấp y (mã số 16.126), Dược sỹ (mã số 16.134), Biên tập - Biên kịch - Biên dịch viên (mã số 17.141), Phóng viên - Bình luận viên (mã số 17.144), Phát thanh viên (mã số 17.147), Quay phim chính (mã số 17.149), Dựng phim viên chính (mã số 17.152), Đạo diễn (mã số 17.156), Họa sỹ (mã số 17.162), Bảo tàng viên (mã số 17.116), Thư viện viên (mã số 17.170), Phương pháp viên chính (mã số 17.173), Hướng dẫn viên chính (mã số 17.175), Tuyên truyền viên chính (mã số 17.177), Huấn luyện viên (mã số 18.181).

**4. Các ngạch tương đương với ngạch chuyên viên chính** bao gồm: Lưu trữ viên chính (mã số 02.013), Thanh tra viên chính (mã số 04.024), Trọng tài viên chính (mã số 05.027), Kế toán viên chính (mã số 06.030), Kiểm soát viên chính thuế (mã số 06.037), Kiểm toán viên chính (mã số 06.042), Kiểm soát viên chính ngân hàng (mã số 07.045), Kiểm tra viên chính hải quan (mã số 08.050), chẩn đoán viên chính bệnh động vật (mã số 09.055), Dự báo viên chính bảo vệ thực vật (mã số 09.059), Giám định viên chính thuốc bảo vệ thực vật - thú y (mã số 09.063), Kiểm dịch viên chính động thực vật (mã số 09.067), Kiểm

nghiệm viên chính giống cây trồng (mã số 09.071), Khử trùng viên chính thực vật (mã số 09.075), Thảm kế viên chính (mã số 12.085), Kiến trúc sư chính (mã số 12.088), Nghiên cứu viên chính (mã số 13.091), Kỹ sư chính (mã số 13.094), Dự báo viên chính (mã số 14.104), Giảng viên chính (mã số 15.110), Giáo viên trung học cao cấp (mã số 15.112), Bác sỹ chính (mã số 16.117), Dược sỹ chính (mã số 16.133), Biên tập - Biên kịch - Biên dịch viên chính (mã số 17.140), Phóng viên, bình luận viên chính (mã số 17.143), Phát thanh viên chính (mã số 17.146), Quay phim viên cao cấp (mã số 17.148), Dựng phim viên cao cấp (mã số 17.151), Đạo diễn chính (mã số 17.155), Họa sỹ chính (mã số 17.161), Bảo tàng viên chính (mã số 17.165), Thư viện viên chính (mã số 17.169), Phương pháp viên cao cấp (mã số 17.172), Huấn luyện viên chính (mã số 18.180).

**5. Các ngạch tương đương với ngạch chuyên viên cao cấp** bao gồm: Lưu trữ viên cao cấp (mã số 02.012), Thanh tra viên cao cấp (mã số 04.023), Kế toán viên cao cấp (mã số 06.029),

Kiểm soát viên cao cấp thuế (mã số 06.036), Kiểm soát viên cao cấp ngân hàng (mã số 07.044), Kiểm soát viên cao cấp hải quan (mã số 08.049), Chẩn đoán viên cao cấp bệnh động vật (mã số 09.054), Dự báo viên cao cấp bảo vệ thực vật (mã số 09.058), Giám định viên cao cấp thuốc bảo vệ thực vật - thú y (mã số 09.062), Kiểm dịch viên cao cấp động thực vật (mã số 09.066), Kiểm nghiệm viên cao cấp giống cây trồng (mã số 09.070), Khử trùng viên cao cấp thực vật (mã số 09.074), Thảm kế viên cao cấp (mã số 12.084), Nghiên cứu viên cao cấp (mã số 13.090), Kỹ sư cao cấp (mã số 13.093), Dự báo viên cao cấp (mã số 14.103), Giảng viên cao cấp (mã số 15.109), Bác sỹ cao cấp (mã số 16.116), Dược sỹ cao cấp (mã số 16.132), Biên tập - Biên kịch - Biên dịch viên cao cấp (mã số 17.139), Phóng viên, bình luận viên cao cấp (mã số 17.142), Phát thanh viên cao cấp (mã số 17.145), Đạo diễn cao cấp (mã số 17.154), Họa sỹ cao cấp (mã số 17.160), Bảo tàng viên cao cấp (mã số 17.164), Thư viện viên cao cấp (mã số 17.168), Huấn luyện viên cao cấp (mã số 18.179).

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 8233947

In tại Xí nghiệp Bản đồ I - Bộ Quốc phòng